

NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH KINH TẾ ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA VÙNG VEN BIỂN BẮC BỘ BẰNG PHƯƠNG PHÁP CHỈ SỐ THỐNG KÊ

THE IMPACT OF ECONOMIC SECTOR RESTRUCTURING ON ECONOMIC GROWTH OF THE NORTHERN COASTAL REGION USING THE STATISTICAL INDEX METHOD

PHẠM THỊ THU HÀNG*, PHẠM THỊ HẰNG NGA, LÊ THỊ HỒNG NGỌC

Khoa Kinh tế, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

*Email liên hệ: hangptt.ktcb@vamaru.edu.vn

Tóm tắt

Mục đích của nghiên cứu là nghiên cứu ảnh hưởng của dịch chuyển cơ cấu ngành kinh tế đến tăng trưởng kinh tế của vùng ven biển Bắc Bộ. Số liệu được thu thập từ Niên giám thống kê về GDP, cơ cấu GDP theo các ngành kinh tế, lao động, cơ cấu lao động theo các ngành kinh tế, tổng vốn đầu tư, cơ cấu vốn đầu tư theo các ngành kinh tế của 5 tỉnh ven biển Bắc Bộ (Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình) trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2020. Phương pháp chỉ số thống kê được sử dụng để phân tích mức độ ảnh hưởng này. Kết quả cho thấy sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế có xu hướng tỷ trọng nông nghiệp thì giảm, còn tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ lại tăng. Trong đó, chuyển dịch cơ cấu lao động có tác động tích cực đến tăng trưởng năng suất lao động, GDP của vùng tuy nhiên mức độ ảnh hưởng có xu hướng giảm dần.

Từ khóa: Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, tăng trưởng kinh tế, vùng ven biển Bắc Bộ, phương pháp chỉ số.

Abstract

The purpose of this research is to investigate the impact of economic sector restructuring on economic growth of the Northern coastal region (Hai Phong, Quang Ninh, Thai Binh, Nam Dinh, Ninh Binh). The data of 5 Northern coastal provinces' GDP, GDP structure by economic sector group, labor, labor structure by economic sector, total investment capital, investment capital structure by economic sector was collected from the statistical yearbooks from 2010 to 2020. The statistical index method was used to analyze these effect levels. The results showed that economic sectors restructuring tended to decrease in agriculture proportion, increase in industry and

service proportion. Labor restructuring had positive impact on labor productivity growth, GDP of the region, however, the impact level tended to decrease gradually.

Keywords: Economic sector restructuring, economic growth, the Northern coastal region, the statistical index method.

1. Giới thiệu chung

Hiện nay, Việt Nam có 28 tỉnh, thành có biển và 125 huyện ven biển, dọc theo bờ biển dài hơn 3.260km, từ Bắc đến Nam. Các tỉnh thành phía Bắc giáp với biển là: Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Bình, Nam Định và Ninh Bình. Các tỉnh ven biển Bắc Bộ đang là những địa bàn quan trọng chiến lược về chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng và an ninh. Các tỉnh này đều có biển nên có lợi thế quan trọng trong giao lưu kinh tế của Việt Nam với các quốc gia khác trên thế giới. Việc thúc đẩy phát triển kinh tế của vùng này có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển kinh tế của cả nước.

Theo xu hướng chung của cả nước, các tỉnh ven biển Bắc Bộ cũng đang có những chuyển dịch cơ cấu kinh tế tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở các tỉnh ven biển Bắc Bộ cũng đang diễn ra theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp; tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp, xây dựng và đặc biệt là ngành dịch vụ. Đây chính là sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng tích cực. Chính điều này góp phần quan trọng vào thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế của ven biển Bắc Bộ.

2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan tình hình nghiên cứu

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là sự vận động và thay đổi của các ngành nghề. Đó là sự phát triển không đều giữa các ngành để phù hợp với năng lực, trình độ của lực lượng sản xuất với điều kiện kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn phát triển kinh tế. Hay nói cách khác chuyển dịch cơ cấu kinh tế chính là quá trình dịch

chuyển từ trạng thái này sang trạng thái khác phù hợp với năng lực của một quốc gia.

Trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, những nhóm ngành phát triển mạnh hơn thì tỷ trọng của những ngành đó sẽ tăng trong cơ cấu kinh tế. Ngược lại những nhóm ngành kém phát triển hơn thì tỷ trọng sẽ giảm.

Cơ cấu ngành kinh tế là mối quan hệ về số lượng (bao gồm cả số lượng ngành và tỷ trọng mỗi ngành) và chất lượng ngành kinh tế trong toàn bộ nền kinh tế.

Theo cách phân loại ngành của Liên Hợp Quốc, thì có 3 nhóm ngành lớn; đó là Nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp; Công nghiệp, xây dựng; và Dịch vụ.

Vậy chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế là sự vận động, thay đổi của các nhóm ngành kinh tế về vị trí và tỷ trọng sao cho phù hợp với năng lực sản xuất cũng như sự phân công xã hội.

Vào cuối thế kỷ 19, Ernst Engel là người đầu tiên tìm hiểu về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế. Lý thuyết tiêu dùng Engel đã cho thấy sự ảnh hưởng của thu nhập đến phân phối thu nhập cho các nhu cầu tiêu dùng cá nhân. Theo lý thuyết tiêu dùng này, nếu thu nhập tăng thì người tiêu dùng sẽ có nhu cầu chi tiêu nhiều hơn với các sản phẩm công nghiệp và dịch vụ. Chính điều này làm nền kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng đối với khu vực công nghiệp, mà chủ yếu là khu vực dịch vụ. Trong khi đó khu vực nông nghiệp sẽ giảm. Một nghiên cứu khác của Arthur Lewis về quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp trong quá trình tăng trưởng kinh tế. Nghiên cứu này cho rằng, khu vực nông nghiệp sẽ có lao động dư thừa và sự dư thừa này sẽ chuyển dần sang khu vực công nghiệp [2]. Những nghiên cứu này mới dừng ở việc tìm hiểu sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Một nghiên cứu khác của nhóm Phí Thị Hồng Linh và các cộng sự (2020) đã tìm hiểu thực trạng và phân tích sự dịch chuyển cơ cấu GDP và sự dịch chuyển cơ cấu lao động theo các nhóm ngành kinh tế của Việt Nam từ năm 2011 đến năm 2020. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra sự dịch chuyển cơ cấu GDP theo hướng tỷ trọng nông nghiệp thì giảm, còn tỷ trọng dịch vụ, công nghiệp hoàn thành các kế hoạch chỉ tiêu đề ra. Ngoài ra, dịch chuyển cơ cấu GDP chậm hơn sự dịch chuyển cơ cấu lao động nên trong nghiên cứu này kết luận sự chuyển dịch cơ cấu nhóm ngành kinh tế không được hiệu quả [4, 6]. Nhận thấy, ở nghiên cứu này mới chỉ nghiên cứu thực trạng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của Việt Nam, chưa đánh giá được tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế tới tăng trưởng kinh tế như thế nào?

Bên cạnh đó, cũng có nghiên cứu Trần Thị Thanh Hương (2018) đã chỉ ra ảnh hưởng của dịch chuyển cơ cấu ngành kinh tế đến tăng trưởng kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ - Duyên hải miền Trung. Trong nghiên cứu này tác giả đã sử dụng phương pháp chỉ số thống kê và chuyển dịch tỷ trọng để đo lường ảnh hưởng của dịch chuyển cơ cấu vốn đầu tư, cơ cấu lao động đến tăng trưởng kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ - Duyên hải miền Trung. Kết quả của nghiên cứu khẳng định dịch chuyển cơ cấu lao động có ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng GDP, năng suất lao động của vùng. Còn dịch chuyển cơ cấu vốn đầu tư trong các ngành của vùng thì chưa được hợp lý, do đó chưa có ảnh hưởng rõ nét và tích cực đến tăng trưởng GDP và năng suất vốn của vùng [3].

Các nghiên cứu này đã khẳng định sự ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu vốn đến tăng trưởng GDP, năng suất lao động và năng suất vùng. Tuy nhiên nhận thấy chưa có nghiên cứu nào tập trung đánh giá dịch chuyển cơ cấu kinh tế và tác động của dịch chuyển cơ cấu kinh tế đến tăng trưởng kinh tế của vùng ven biển Bắc Bộ. Do đó mục tiêu của nghiên cứu chính là lượng hóa ảnh hưởng của dịch chuyển cơ cấu ngành kinh tế đến tăng trưởng kinh tế của vùng ven biển Bắc Bộ bao gồm 5 tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình trong giai đoạn từ 2010-2022.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bên cạnh các phương pháp quen thuộc như thu thập thống kê và phân tích thống kê để nghiên cứu dịch chuyển cơ cấu theo ngành kinh tế ở một số tỉnh ven biển Bắc Bộ, thì nghiên cứu sử dụng phương pháp chỉ số thống kê để đánh giá ảnh hưởng của dịch chuyển cơ cấu kinh tế ngành đến tăng trưởng kinh tế của vùng ven biển Bắc Bộ. Do số liệu không đủ lớn và đầy đủ nên không thể sử dụng phương pháp phân tích hồi quy (hồi quy bội, hồi quy dữ liệu mảng,...).

Biến đại diện cho dịch chuyển cơ cấu kinh tế là cơ cấu lao động (CCLĐ) và cơ cấu vốn (CCV).

Biến đại diện cho tăng trưởng kinh tế là GDP, năng suất lao động và năng suất vốn.

Từ phân tích như trên, theo phương pháp chỉ số thống kê thì nhóm tác giả đề xuất 4 mô hình:

Mô hình 1: Phân tích tác động của năng suất lao động (NSLĐ) của bản thân các ngành (hoặc nhóm ngành) kinh tế và dịch chuyển cơ cấu lao động giữa các ngành (hoặc nhóm ngành) kinh tế tới sự biến động NSLĐ bình quân của toàn vùng.

Đây là hệ thống chỉ số phân tích biến động của chỉ tiêu bình quân do ảnh hưởng của tiêu thức nghiên cứu và kết cấu tổng thể [5].

Hệ thống chỉ số:

$$\frac{\bar{x}_1}{x_0} = \frac{\bar{x}_1}{x_{01}} \cdot \frac{x_{01}}{x_0} \quad (1)$$

Trong đó:

\bar{x}_1 : NSLĐ bình quân toàn vùng kỳ nghiên cứu;

\bar{x}_0 : NSLĐ bình quân toàn vùng kỳ gốc.

+ Biến động tuyệt đối:

$$(\bar{x}_1 - \bar{x}_0) = (\bar{x}_1 - x_{01}) + (x_{01} - x_0) \quad (2)$$

+ Biến động tương đối:

$$\frac{(\bar{x}_1 - \bar{x}_0)}{x_0} = \frac{(\bar{x}_1 - x_{01})}{x_0} + \frac{(x_{01} - x_0)}{x_0} \quad (3)$$

Mô hình 2: Phân tích tác động của năng suất vốn (NSV) của bản thân các ngành (hoặc nhóm ngành) kinh tế và dịch chuyển cơ cấu vốn đầu tư giữa các ngành (hoặc nhóm ngành) kinh tế tới sự biến động NSV bình quân của toàn vùng. Mô hình này tương tự như mô hình 1, thay lao động bằng vốn đầu tư.

Mô hình 3: Phân tích tác động của các nhân tố NSLĐ, số lượng lao động và dịch chuyển cơ cấu lao động tới sự thay đổi GDP của toàn vùng.

Đây là hệ thống chỉ số phân tích biến động của tổng lượng biến do ảnh hưởng của tiêu thức nghiên cứu bình quân [5].

Quan hệ giữa GDP và NSLĐ của toàn vùng cũng như từng nhóm ngành kinh tế được biểu diễn qua phương trình:

$$\bar{x} = \frac{GDP}{\sum L} \quad \text{hay} \quad GDP = \bar{x} \cdot \sum L \quad (4)$$

Trong đó:

GDP: GDP của vùng;

$\sum L$: Tổng số lao động làm việc trong toàn vùng;

L: Lao động làm việc trong từng nhóm ngành kinh tế trong vùng.

Ta có hệ thống chỉ số như sau:

$$I_{GDP} = I_{NSLD} \cdot I_{k/c} \cdot I_{\sum L}$$

$I_{GDP} = \frac{GDP_1}{GDP_0}$: Chỉ số biến động chỉ tiêu GDP của vùng;

$I_{NSLD} = \frac{\bar{x}_1}{\bar{x}_0}$: Chỉ số biến động chỉ tiêu NSLĐ của vùng;

$I_{k/c} = \frac{x_{01}}{x_0}$: Chỉ số biến động cơ cấu lao động của vùng.

$I_L = \frac{\sum L_1}{\sum L_0}$: chỉ số biến động số lượng lao động của vùng.

Hệ thống chỉ số:

$$\frac{GDP_1}{GDP_0} = \frac{\bar{x}_1}{\bar{x}_0} \cdot \frac{x_{01}}{x_0} \cdot \frac{\sum L_1}{\sum L_0} \quad (5)$$

+ Biến động tuyệt đối:

$$GDP_1 - GDP_0 = (\bar{x}_1 - \bar{x}_0) \cdot \sum L_1 + (\bar{x}_0 - \bar{x}_0) \cdot \sum L_1 + \bar{x}_0 \cdot (\sum L_1 - \sum L_0) \quad (6)$$

+ Biến động tương đối:

$$\frac{GDP_1 - GDP_0}{GDP_0} = \frac{(\bar{x}_1 - \bar{x}_0) \cdot \sum L_1}{GDP_0} + \frac{(\bar{x}_0 - \bar{x}_0) \cdot \sum L_1}{GDP_0} + \frac{\bar{x}_0 \cdot (\sum L_1 - \sum L_0)}{GDP_0} \quad (7)$$

Mô hình 4: Phân tích tác động của các nhân tố NSV, chuyển dịch cơ cấu vốn đầu tư và tổng vốn đầu tư tới sự thay đổi GDP của toàn vùng. Mô hình này tương tự như mô hình 3, thay lao động bằng vốn đầu tư.

4. Kết quả nghiên cứu

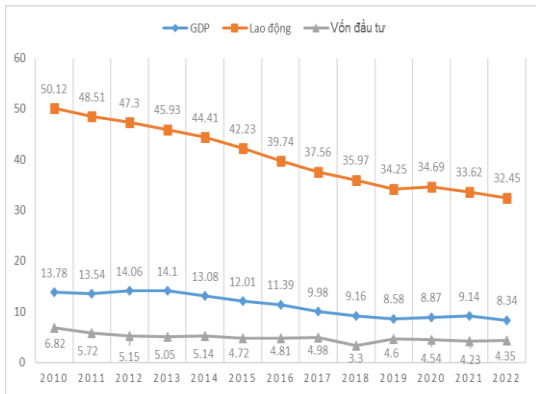
4.1. Thu thập số liệu

Từ mô hình xây dựng, các số liệu cần thu thập là GDP, cơ cấu GDP theo ngành kinh tế, lao động, cơ cấu lao động theo ngành kinh tế, tổng vốn đầu tư, cơ cấu vốn đầu tư theo ngành kinh tế của 5 tỉnh ven biển Bắc Bộ (Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình) trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2020.

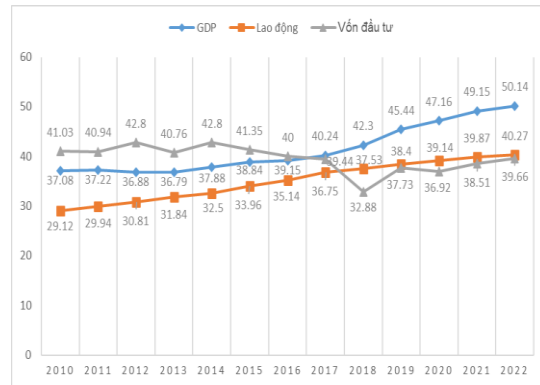
Theo nguồn số liệu của Niên giám thống kê, ta có số liệu về cơ cấu GDP, cơ cấu lao động và cơ cấu vốn đầu tư theo ngành kinh tế của vùng ven biển Bắc Bộ (Hình 1 đến Hình 6).

Xét theo nhóm ngành kinh tế thì nhận thấy đối với ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản thì cơ cấu GDP, CCLĐ và CCV đều có xu hướng giảm trong đó tỉ lệ lao động là cao nhất và cao hơn cả tỉ lệ đóng góp của GDP. Trong khi đó đối với ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ thì cơ cấu lại có xu hướng tăng. Tỉ lệ đóng góp GDP cao nhất từ sau năm 2017 đối với ngành công nghiệp, xây dựng. Đối với ngành dịch vụ thì tỉ lệ vốn đầu tư luôn cao nhất, cao hơn tỉ lệ đóng góp GDP.

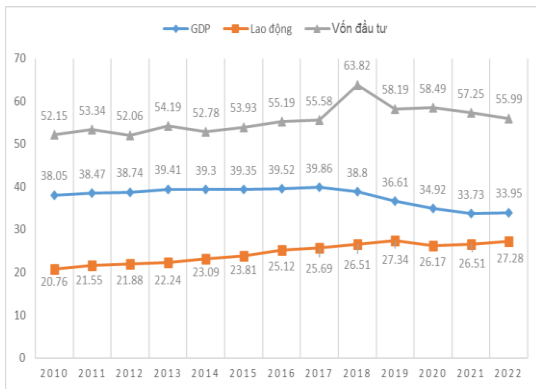
Xét theo cơ cấu kinh tế, về cơ cấu GDP thì sự chuyển dịch theo hướng tỉ lệ đóng góp GDP của ngành nông lâm nghiệp và thủy sản là thấp nhất, đứng đầu là tỉ lệ đóng góp GDP của ngành công nghiệp, xây dựng rồi đến ngành dịch vụ. Về CCLĐ, sự chuyển dịch biến động phức tạp giữa tỉ lệ ngành nông lâm nghiệp, thủy sản và ngành công nghiệp, xây dựng, tỉ lệ lao động của ngành dịch vụ là thấp nhất. Còn CCV thì không



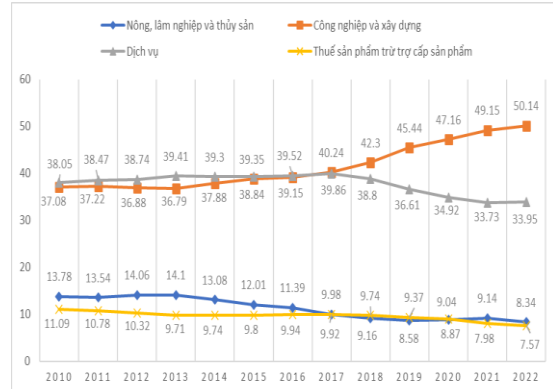
Hình 1. Cơ cấu GDP, CCLĐ, CCV ngành Nông, lâm nghiệp, thủy sản của vùng ven biển Bắc Bộ giai đoạn 2010-2022 (giá thực tế)



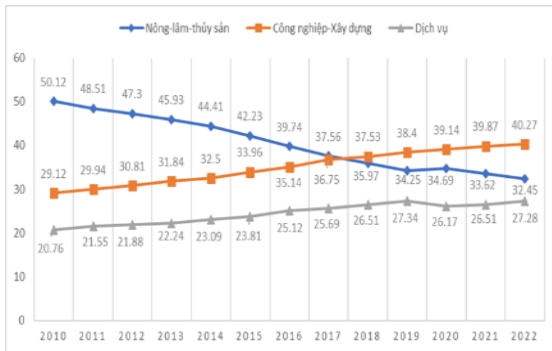
Hình 2. Cơ cấu GDP, CCLĐ, CCV ngành Công nghiệp, xây dựng của vùng ven biển Bắc Bộ giai đoạn 2010-2022 (giá thực tế)



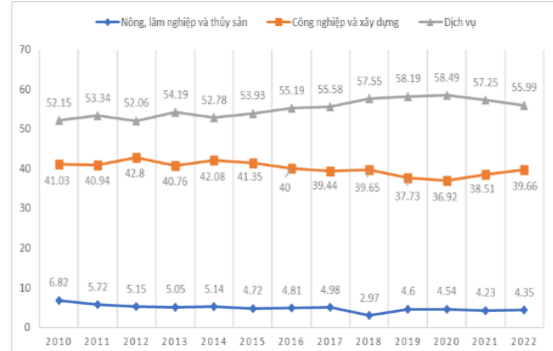
Hình 3. Cơ cấu GDP, CCLĐ, CCV ngành Dịch vụ của vùng ven biển Bắc Bộ giai đoạn 2010-2022 (giá thực tế)



Hình 4. Cơ cấu GDP theo nhóm ngành kinh tế của vùng ven biển Bắc Bộ giai đoạn 2010-2022 (giá thực tế)



Hình 5. CCLĐ theo nhóm ngành kinh tế của vùng ven biển Bắc Bộ giai đoạn 2010-2022 (giá thực tế)



Hình 6. CCV theo nhóm ngành kinh tế của vùng ven biển Bắc Bộ giai đoạn 2010-2022 (giá thực tế)

có sự chuyển dịch vị trí, tỉ lệ vốn đầu tư cho ngành dịch vụ luôn là nhiều nhất và cho ngành nông lâm nghiệp và thủy sản là thấp nhất.

4.2. Đánh giá ảnh hưởng của dịch chuyển cơ cấu theo ngành kinh tế đến tăng trưởng kinh tế vùng ven biển Bắc Bộ

a. Mô hình 1

Số liệu ở Bảng 1 cho thấy dịch chuyển cơ cấu lao

động có ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng năng suất lao động bình quân của vùng trong cả ba giai đoạn. Cụ thể, trong giai đoạn 2010-2015, NSLĐ bình quân tăng 14,86%, trong đó NSLĐ của bản thân các ngành làm tăng 4,08%; dịch chuyển CCLĐ giữa các ngành làm tăng 10,78%. Trong giai đoạn 2015-2020, NSLĐ bình quân tăng 89,89%, trong đó NSLĐ của bản thân các ngành làm tăng 82,45%; dịch chuyển CCLĐ giữa các

Bảng 1. Đóng góp của năng suất lao động (NSLĐ) của bản thân các ngành kinh tế và dịch chuyển CCLĐ giữa các ngành kinh tế tới sự biến động NSLĐ bình quân của vùng ven biển Bắc Bộ giai đoạn 2010-2022

(theo giá so sánh 2010)

Giai đoạn	Lượng tăng (giảm) NSLĐ bình quân của vùng (tỷ đồng/người)			Tốc độ tăng NSLĐ bình quân của vùng (%)		
	NSLĐ bình quân	Do NSLĐ của bản thân các ngành	Do dịch chuyển CCLĐ giữa các ngành	NSLĐ bình quân	Do NSLĐ của bản thân các ngành	Do dịch chuyển CCLĐ giữa các ngành
2010-2015	5,2338	1,4381	3,7957	14,86	4,08	10,78
2015-2020	36,3548	33,3450	3,0098	89,89	82,45	7,44
2020-2022	62,9408	61,2637	1,6771	81,96	79,77	2,19

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả.

Bảng 2. Đóng góp của năng suất vốn (NSV) của bản thân các ngành kinh tế và dịch chuyển cơ cấu vốn giữa các ngành kinh tế tới sự biến động NSV bình quân của vùng ven biển Bắc Bộ giai đoạn 2010-2022

(theo giá so sánh 2010)

Giai đoạn	Lượng tăng (giảm) NSV bình quân của vùng (lần)			Tốc độ tăng NSV bình quân của vùng (%)		
	NSV bình quân	Do NSV của bản thân các ngành	Do dịch chuyển CCV giữa các ngành	NSV bình quân	Do NSV của bản thân các ngành	Do dịch chuyển CCV giữa các ngành
2010-2015	0,0736	0,0738	-0,0002	9,34	9,36	-0,02
2015-2020	0,5095	0,5374	-0,0279	59,15	62,38	-3,23
2020-2022	0,9651	0,9688	-0,0037	70,40	70,67	-0,27

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả.

Bảng 3. Đóng góp của năng suất lao động (NSLĐ) của bản thân các ngành, chuyển dịch cơ cấu lao động giữa các ngành kinh tế và tổng lao động đến sự biến động GDP của vùng ven biển Bắc Bộ giai đoạn 2010-2022

(theo giá so sánh 2010)

Giai đoạn	Lượng tăng (giảm) GDP của vùng (tỷ đồng)				Tốc độ tăng GDP của vùng (%)			
	GDP	Do NSLĐ của bản thân các ngành	Do dịch chuyển CCLĐ giữa các ngành	Do tổng lao động của cả vùng	GDP	Do NSLĐ của bản thân các ngành	Do dịch chuyển CCLĐ giữa các ngành	Do tổng lao động của cả vùng
2010-2015	27.646	6.754	17.828,36	3.063,64	17,03	4,16	10,98	1,89
2015-2020	163.207,15	153.342	13.841,20	-3.976,05	85,92	80,72	7,29	-2,09
2020-2022	283.719,16	279.220,77	7.644,07	-3.145,68	80,33	79,06	2,16	-0,89

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả.

ngành làm tăng 7,44%. Trong giai đoạn 2020-2022, NSLĐ bình quân tăng 81,96%, trong đó NSLĐ của bản thân các ngành làm tăng 79,77%; dịch chuyển CCLĐ giữa các ngành làm tăng 2,19%.

b. Mô hình 2

Trong cả ba giai đoạn 2010-2015, 2015-2020, 2020-2022; sự chuyển dịch cơ cấu vốn đầu tư giữa các nhóm ngành kinh tế của các tỉnh ven biển Bắc Bộ đã

Bảng 4. Đóng góp của năng suất vốn (NSV) của bản thân các ngành, chuyển dịch cơ cấu vốn giữa các ngành kinh tế và tổng vốn đầu tư đến sự biến động GDP của vùng ven biển Bắc Bộ giai đoạn 2010-2022*(theo giá so sánh 2010)*

Giai đoạn	Lượng tăng (giảm) GDP của vùng (tỷ đồng)				Tốc độ tăng GDP của vùng (%)			
	GDP	Do NSV của bản thân các ngành	Do dịch chuyển CCV giữa các ngành	Do tổng vốn đầu tư của cả vùng	GDP	Do NSV của bản thân các ngành	Do dịch chuyển CCV giữa các ngành	Do tổng vốn đầu tư của cả vùng
2010-2015	27.646,45	16.270,08	-49,57	1.145,94	17,03	10,02	-0,03	7,04
2015-2020	163.207,15	138.431,90	-7.169,17	31.944,43	93,94	79,68	-4,13	18,39
2020-2022	283.719,16	264.146,24	-1.026,35	20.599,27	80,33	74,79	-0,29	5,83

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả.

cản trở một phần rất nhỏ đến sự tăng trưởng năng suất vốn của vùng. Cụ thể, chuyển dịch CCV đã làm giảm NSV bình quân lần lượt là 0,02%; 3,23%; 0,27% trong ba giai đoạn. Tuy nhiên, theo số liệu Bảng 2, hiệu quả sử dụng VĐT của toàn vùng có xu hướng ngày càng tăng cao, từ 9,34% giai đoạn 2010-2015 đến 70,4% giai đoạn 2020-2022.

c. Mô hình 3

Bảng 3 cho thấy sự tác động của NSLĐ, chuyển dịch CCLĐ và tổng lao động toàn vùng đến tăng trưởng GDP của vùng qua ba giai đoạn. Giai đoạn 2010-2015 là giai đoạn có sự tăng trưởng GDP thấp nhất (17,03%) so với giai đoạn 2015-2020 (85,92%) và giai đoạn 2020-2022 (80,33%). Giai đoạn 2010-2015 cũng là giai đoạn duy nhất tổng lao động toàn vùng có tác động tích cực đến tăng trưởng GDP (làm tăng 1,89%). Có thể thấy trong hai giai đoạn sau, NSLĐ của bản thân các ngành đóng góp chủ yếu vào tăng trưởng GDP (làm tăng khoảng 80%).

d. Mô hình 4

Từ số liệu ở Bảng 4 có thể thấy sự chuyển dịch cơ cấu vốn giữa các ngành đã tác động cản trở sự tăng trưởng GDP của vùng, cụ thể làm giảm 0,03%; 4,13% và 0,29% lần lượt trong ba giai đoạn 2010-2015, 2015-2020 và 2020-2022. Đóng góp chủ yếu vào sự tăng trưởng cao GDP của vùng là nhờ NSV của bản thân các ngành. Điều này cho thấy, VĐT đang được sử dụng khá hợp lý giữa các nhóm ngành, đây là một điểm thuận lợi đối với sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của vùng.

5. Kết luận

Thông qua quá trình phân tích thống kê dựa vào

phương pháp hệ thống chỉ số, nhóm tác giả đã có cái nhìn khái quát và lượng hoá được các tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế đến sự tăng trưởng kinh tế thông qua hai chỉ tiêu năng suất lao động bình quân và GDP của vùng ven biển Bắc Bộ qua các giai đoạn 2010-2015, 2015-2020 và 2020-2022. Kết quả tính toán và phân tích cho thấy trong cả ba giai đoạn, sự chuyển dịch cơ cấu lao động giữa các nhóm ngành có tác động rất tích cực đến tăng trưởng kinh tế của vùng ven biển Bắc Bộ. Vì vậy, vùng này nên tiếp tục ưu tiên sử dụng nhiều lao động hơn cho nhóm ngành Công nghiệp, xây dựng và Nông - Lâm - Thủy sản; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh đào tạo và khuyến khích, chú trọng đến ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Bên cạnh đó, sự chuyển dịch cơ cấu VĐT giữa các ngành vẫn còn cản trở một phần nhỏ đến sự tăng trưởng kinh tế của vùng. Vì vậy, các tỉnh ven biển Bắc Bộ cần nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng VĐT của các doanh nghiệp; có chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào vùng; có chính sách ưu đãi về tín dụng với các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hiện đại trong dây chuyền sản xuất.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Hàng hải Việt Nam trong đề tài mã số: **DT23-24.86**.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Niên giám thống kê Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định và Ninh Bình.
- [2] Trần Thọ Đạt và Lê Quang Cảnh (2015), *Giá trị ứng dụng một số lý thuyết trong nghiên cứu kinh tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

- [3] Trần Thị Thanh Hương (2018), *Tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế tới tăng trưởng kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ - Duyên hải miền Trung*, Tạp chí Khoa học và đào tạo ngân hàng, Số 198 - Tháng 11, 2018.
- [4] Phí Thị Hồng Linh, Bùi Đức Tuân và Trần Văn Thành (2020), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành kinh tế Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và định hướng giải pháp giai đoạn 2021-2030*, Tạp chí Kinh tế và dự báo, Số 4 - Tháng 1, 2020.
- [5] Trần Thị Kim Thu (2018), *Giáo trình Lý thuyết thống kê*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Văn Tuyên, Trần Hoàng Tuấn (2021), *Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra*, Tạp chí Tài chính, Số 2 - Tháng 8, 2021.

Ngày nhận bài:	03/11/2023
Ngày nhận bản sửa:	13/11/2023
Ngày duyệt đăng:	17/11/2023